TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 256/2025/HC-PT
Ngày: 22/5/2025
"V/v khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Với thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tiến Dũng;
Các Thẩm phán: Ông Trương Công Thi.
Bà Phan Thị Vân Hương.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Long, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Quách Hoà Bình, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 5 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 121/2025/TLPT-HC ngày 03 tháng 3 năm 2025 về việc "*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*". Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1220/2025/QĐ-PT ngày 05 tháng 5 năm 2025; giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: Bà Đào Thị T, sinh năm 1957; địa chỉ: B L, phường T, TP ., tỉnh Đắk Lắk; vắng mặt.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Trần Thị C, sinh năm 1991 (có mặt) và ông Lê Thế H, sinh năm 1993 (vắng mặt); cùng địa chỉ: C L, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Lê Đại T1, chức vụ: Phó Chủ tịch; có đơn xin xét xử vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị kiện: Ông Trương Văn C1, chức vụ: Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Ủy ban nhân dân phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (trước đây là UBND phường T).

Đại diện theo uỷ quyền: Ông Nguyễn Huy H1, chức vụ: Cán bộ địa chính; có đơn xin xét xử vắng mặt.

2. Trường Trung học cơ sở P.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị N, chức vụ: Hiệu trưởng; vắng mặt.

- Người kháng cáo: Người khởi kiện bà Đào Thị T.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tóm tắt nội dung vụ án, quyết định của Toà án cấp sơ thẩm, nội dung kháng cáo như sau:

- Người khởi kiện bà Đào Thị T và người đại diện theo uỷ quyền trình bày:

Bà Đào Thị T là giáo viên Trường P1 (nay là Trường Phạm Hồng T2) từ năm 1979. Ngày 28/9/1990 có làm đơn xin mua thanh lý lô đất nằm ở góc đường N và L thuộc Khu tập thể của trường để làm nhà ở, được Ban Giám hiệu và Ban P1 xác nhận ngày 04/10/1990, nội dung bà Đào Thị T chưa có nhà, còn ở khu tập thể nên nhất trí đề nghị Uỷ ban nhân dân (viết tắt là UBND) thị xã xét giải quyết thanh lý lô đất có diện tích 40m^2 giáp đường N để làm nhà ở. UBND phường T phê duyệt ngày 30/10/1990, nội dung kính đề nghị UBND thị xã B xem xét, giải quyết và UBND thị xã B đồng ý tạm giao lô đất nói trên cho bà Đào Thị T làm nhà ở (có sơ đồ vị trí lô đất kèm theo), xác nhận ngày 17/6/1991. Sau khi được giao đất, năm 1991 bà Đào Thị T làm nhà trên diện tích đất được giao khoảng 63m^2; đến năm 1992 cải tạo bãi đất trống ở phía sau nhà, tăng diện tích đất sử dụng lên thành 136,8m^2 như hiện nay và sử dụng đất ổn định, không tranh chấp, không bị cơ quan Nhà nước có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, được cấp số nhà, sổ hộ khẩu, hợp đồng điện, nước và thực hiện nghĩa vụ đóng thuế cho Nhà nước đầy đủ.

Ngày 28/12/2023 UBND thành phố B ban hành Quyết định thu hồi đất số 7411/QĐ-UBND về việc thu hồi toàn bộ diện tích đất 136,8m^2 thuộc thửa đất số 12, tờ bản đồ số 01/2021 tại phường T, thành phố B của bà Đào Thị T (viết tắt là Quyết định 7411) để thực hiện Dự án Trường THCS P. Cùng ngày UBND thành phố B ban hành Quyết định số 7398/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trường THCS P; hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng sân và tường rào mở rộng (viết tắt là Quyết định 7398), trong đó bà Đào Thị T được bồi thường giá trị tài sản trên đất, cây trồng trên đất, hỗ trợ tiền chấp hành tốt việc bàn giao mặt bằng với tổng số tiền 348.355.208 đồng.

Trong thời gian sử dụng đất, bà Đào Thị T đi khám chữa bệnh tại các Bệnh viện

N2, Bệnh viện Y, Bệnh viện H2 ở Thành phố Hồ Chí Minh vào các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2025 nên Biên bản xác minh chỗ ở ngày 03/11/2022 của UBND phường T, Công an phường T, Trung tâm Phát triển quỹ đất thành phố B xác định bà Đào Thị T không ở trên thửa đất bị thu hồi là không chính xác.

Nhà nước đã thu hồi toàn bộ diện tích đất và tài sản trên đất, bà Đào Thị T không có nơi ở nào khác nhưng Quyết định 7398 chỉ bồi thường cho giá trị tài sản, cây trồng trên đất mà không bồi thường về đất, bố trí tái định cư, hỗ trợ chi phí di dời nhà, hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian không có nhà ở là chưa đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho bà. Do đó, bà Đào Thị T khởi kiện yêu cầu:

+ Huỷ một phần Quyết định 7398 đối với bà Đào Thị T.

+ Buộc UBND thành phố B phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi thu hồi đất, cụ thể: Bồi thường giá trị đất đối với diện tích đất 136,8m^2; bố trí tái định cư không thu tiền sử dụng đất; hỗ trợ chi phí di dời nhà, hỗ trợ tiền thuê nhà trong thời gian không có nhà để ở.

- *Người bị kiện* UBND thành phố B *trình bày:*

Quyết định 7398 được ban hành theo đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Thửa đất số 12 của bà Đào Thị T có nguồn gốc là đất của Nhà nước giao cho Trường P1 quản lý, không đủ điều kiện để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất (viết tắt là GCNQSDĐ) cho từng cá nhân, hộ gia đình nên không đủ điều kiện bồi thường về đất theo Điều 82 Luật Đất đai năm 2013. Tại thời điểm UBND thành phố ban hành thông báo thu hồi đất thì hộ bà Đào Thị T không trực tiếp ở trên thửa đất bị thu hồi nên không thuộc đối tượng phải di chuyển chỗ ở, không được xem xét giao đất tái định cư cũng như không đủ điều kiện hưởng các chính sách liên quan như tiền di chuyển chỗ ở và tiền thuê nhà theo Điều 5 Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Do vậy, UBND thành phố B đề nghị Toà án không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* UBND phường T *trình bày:*

Diện tích đất của bà Đào Thị T có nguồn gốc do UBND thị xã B tạm giao năm 1991. Các hồ sơ không còn lưu trữ tại địa phương do có thay đổi cán bộ địa chính qua các thời kỳ nên không nắm rõ. Về diện tích đất lấn chiếm cũng không có hồ sơ, văn bản ngăn chặn. Hiện trạng sử dụng đất từ năm 1991 đến nay, không có tranh chấp. Hàng năm chủ hộ có đóng thuế phi nông nghiệp.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan* Trường THCS P *trình bày:*

Quá trình bàn giao, tiếp nhận của các Hiệu trưởng không còn lưu giữ giấy tờ, hồ sơ liên quan đến việc bà Đào Thị T mượn đất, nhà nên Nhà trường không thể cung cấp các giấy tờ cho Toà án. Đề nghị Toà án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

- Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk, đã quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, khoản 4 Điều 32, điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 157, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 194, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính; khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69, khoản 1 Điều 75, Điều 100 Luật Đất đai năm 2013; Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/201/NĐ-CP ngày 06/01/2017); khoản 1 Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T về việc:

- Hủy một phần Quyết định số 7398/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Trường THCS P; hạng mục bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng sân và tường rào mở rộng đối với bà Đào Thị T.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B, phải ban hành lại quyết định phê duyệt phương án bồi thường về đất, tái định cư không thu tiền sử dụng đất, hỗ trợ di chuyển, hỗ trợ tiền thuê nhà cho bà T đúng theo quy định của pháp luật.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo về quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

- Ngày 04 tháng 02 năm 2024, người khởi kiện bà Đào Thị T có đơn kháng cáo, đơn kháng cáo do người đại diện theo uỷ quyền làm với nội dung kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm.

Tại phiên toà phúc thẩm:

- Chị Trần Thị C, người đại diện theo uỷ quyền của người khởi kiện bà Đào Thị T giữ nguyên kháng cáo và trình bày: Nguồn gốc thửa đất vào năm 1990 Nhà trường thanh lý 02 lô đất đầu dãy, bà Đào Thị T có đơn được Công đoàn nhà trường, UBND xã xác nhận và UBND thành phố B đã giao cho bà Đào Thị T 01 lô đất, sau đó bà Đào Thị T đã khai hoang thêm phần đất trống cạnh lô đất được giao để sử dụng và làm nhà ở ổn định từ năm 1991 đến nay, không có tranh chấp với ai nên đủ điều kiện để công nhận quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 75 Luật Đất đai, Điều 23 Nghị định số 43 của Chính phủ và các quy định của UBND thị xã B. Việc trước đó UBND thị xã B chỉ tạm giao đất không ảnh hưởng đến việc công nhận quyền sử dụng đất cho bà Đào Thị T theo quy định của pháp luật về đất đai. Do đó, bà Đào Thị T đủ điều kiện được bồi thường về đất khi Nhà nước thu hồi đất. Về tái định cư, điều kiện để bố trí tái định cư theo quy định của pháp luật không cần thiết phải có GCNQSDĐ, bà Đào Thị T trực tiếp ở trên đất bị Nhà nước thu hồi, hiện nay không còn chỗ ở nào khác nên đủ điều kiện để được cấp đất tái định cư. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp

nhận kháng cáo của bà Đào Thị T, sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận các yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện trình bày quan điểm: Phần diện tích đất thu hồi của bà Đào Thị T sử dụng là đất được quy hoạch cho hoạt động giáo dục. Khi thu hồi đất, theo chính quyền địa phương xác nhận thì bà Đào Thị T không ở mà cho thuê bán hàng nên không đủ điều kiện để tái định cư, không được hỗ trợ di chuyển chỗ ở cũng như không đủ điều kiện hưởng các chính sách liên quan như tiền di chuyển chỗ ở và tiền thuê nhà theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Đào Thị T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng sau khi phân tích nội dung và các tình tiết của vụ án, có quan điểm:

- Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ, đúng quy định pháp luật. Kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị T do người đại diện theo uỷ quyền làm là trong thời hạn, đúng pháp luật và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên là hợp lệ, đủ điều kiện để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

- Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính; bác kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị T, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm của Toà án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án; căn cứ vào tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ đã được thẩm tra công khai và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị T do người đại diện theo uỷ quyền làm là trong thời hạn quy định tại Điều 206 Luật Tố tụng hành chính, đúng pháp luật và người kháng cáo thuộc trường hợp được miễn nộp tạm ứng án phí hành chính phúc thẩm nên được chấp nhận hợp lệ để xem xét, giải quyết theo thủ tục phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm vắng mặt một số đương sự, trong đó có người đã có đơn xin xét xử vắng mặt, những người khác đã được triệu tập hợp lệ lần 02 nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, Hội đồng xét xử xét quyết định tiến hành xét xử vụ án theo quy định tại Điều 225 Luật Tố tụng hành chính.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét tính hợp pháp của quyết định hành chính bị kiện: UBND thành phố B

ban hành Quyết định 7398 là đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định tại khoản 2 Điều 66, Điều 67, Điều 69 Luật Đất đai.

[2.2] Về nội dung của quyết định bị kiện:

- Về nguồn gốc sử dụng thửa đất: Căn cứ Đơn xin thanh lý lô đất thổ cư thuộc phạm vi khu nội trú Trường P1 đề ngày 28/9/1990 của bà Đào Thị T, có xác nhận của Ban giám hiệu và Ban chấp hành Công đoàn Trường P1 ngày 04/10/1990, xác nhận của UBND phường T ngày 30/10/1990 và phê duyệt của UBND thị xã B ngày 17/6/1991 thì bà Đào Thị T được UBND thị xã B tạm giao thửa số 12, tờ bản đồ số 01 hiện nay để làm nhà ở. Tại sơ đồ vị trí lô đất kèm theo cũng thể hiện vị trí diện tích đất tạm giao cho bà Đào Thị T nằm trong khu vực Trường P2. Tại Biên bản làm việc về việc kiểm tra, nguồn gốc, quá trình sử dụng đất thuộc phạm vi mở rộng Trường THCS P tại phường T ngày 16/10/2019 xác định nguồn gốc sử dụng đất của Trường THCS P là do tiếp quản cơ sở giáo dục cũ sau năm 1975, vị trí này được bố trí Trường P2, sau đó chuyển thành Trường C2+2 Lê Thị Hồng G; đến năm 1988 tách Trường tiểu học P1 và Trường THCS P1. Tại vị trí này bố trí và đổi tên Trường THCS P1 thành Trường THCS P; đến năm 2006, Trường P được chuyển đổi loại hình trường học, từ trường cơ sở bán công sang trường trung học cơ sở công lập theo Quyết định số 1865/QĐ-UBND của UBND thành phố B. Như vậy, thửa đất số 12, tờ bản đồ số 01 có nguồn gốc của Trường P2 (nay là Trường C2+2 Lê Thị Hồng G và Trường THCS P), sau đó được thanh lý và UBND thị xã B tạm giao cho bà Đào Thị T để xây dựng nhà ở. Tại thời điểm năm 1990 thì Trường P1 không có quyền chuyển nhượng, bán thanh lý quyền sử dụng đất theo quy định tại Điều 16 Luật Đất đai năm 1987; UBND thị xã B không có thẩm quyền giao đất khu dân cư thuộc nội thành, nội thị theo quy định tại điểm đ khoản 3 Điều 13 Luật Đất đai năm 1987.

- Về bồi thường khi Nhà nước thu hồi đất: Do bà Đào Thị T không có một trong các giấy tờ về đất theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai, Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2024 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (được sửa đổi, bổ sung tại khoản 16 Điều 2 Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ) nên không đủ điều kiện được bồi thường về đất theo quy định tại khoản 1 Điều 75 Luật Đất đai năm 2013.

- Về tái định cư: Tại Biên bản xác minh chỗ ở của các hộ có đơn xin bố trí tái định cư ngày 03/11/2022 giữa UBND phường T với Công an phường T, Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B thể hiện bà Đào Thị T không ở trên thửa đất bị thu hồi. Ngày 21/11/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B niêm yết công khai Phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư và ngày 09/12/2022 kết thúc việc niêm yết. Ngày 12/12/2022 Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B phối hợp với UBND phường T, Ủy ban MTQTVN phường T, đại diện tổ dân phố 4 tổ chức họp 12 hộ dân để tổng hợp ý kiến phản hồi của người dân. Tại buổi làm việc, bà Đào Thị T có mặt và trình bày chỉ đề nghị xem xét bồi thường về đất cho gia đình. Như vậy, tại buổi làm việc, bà Đào Thị T cũng không có ý kiến gì về Biên bản làm việc ngày 03/11/2022 về việc xác định bà Đào Thị T không ở trên đất. Tại các Biên lai thu thuế nhà, đất vào các năm 2001, 2002, 2003, 2004, 2005 thể hiện người nộp tiền là bà Nguyễn Thị

Thanh N1, trú tại 246 L. Tại các đơn thuốc, toa thuốc các năm 2018, 2019, 2020, 2021, 2022, 2023, 2025 thể hiện bà Đào Thị T ở tại địa chỉ 2 N, phường A, quận G, Thành phố Hồ Chí Minh đi khám bệnh và được cấp thuốc theo đơn. Do vậy, có căn cứ xác định tại thời điểm thu hồi đất thì bà Đào Thị T không ở trên đất nên không thuộc trường hợp được bố trí tái định cư theo quy định tại Điều 86 Luật Đất đai năm 2013.

- Về hỗ trợ di chuyển và hỗ trợ tiền thuê nhà: Như đã phân tích ở trên, bà Đào Thị T không ở trên đất, không phải di chuyển chỗ ở và không phải đi thuê nhà nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ chi phí di chuyển, hỗ trợ tiền thuê nhà theo Quyết định số 14/2022/QĐ-UBND ngày 15/3/2022 của UBND tỉnh Đ.

[3] Như vậy, bản án sơ thẩm bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị T là có căn cứ pháp luật.

[4] Từ những phân tích nêu trên, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị T; giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

[5] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nhưng bà Đào Thị T là người cao tuổi, được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính, điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; xử:

1. Bác toàn bộ kháng cáo của người khởi kiện bà Đào Thị T. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2025/HC-ST ngày 15 tháng 01 năm 2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí: Miễn án phí hành chính phúc thẩm cho bà Đào Thị T.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, không bị kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.***Nơi nhận:***
- *TAND tối cao;*
- *VKSNDCC tại Đà Nẵng;*
- *TAND tỉnh Đắk Lắk;*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu HSVA, VPTA.

Nguyễn Tiến Dũng